

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

*Báo cáo Tài chính - Công ty mẹ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
đã được kiểm toán*

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán	04 – 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 – 31
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 31



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính - Công ty mẹ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Ủy viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính - Công ty mẹ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH – CÔNG TY MẸ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính – Công ty mẹ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính – Công ty mẹ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

T  
N  
H  
V  
CH  
K  
N

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Địa chỉ: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

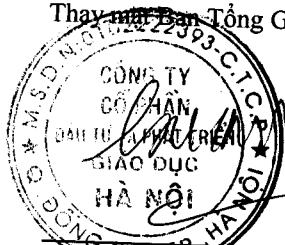
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính – Công ty mẹ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính – Công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Vũ Bà Khánh** TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc

*Vũ Bà Khánh*

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013



Số : 17 /2013/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính – Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính - Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 30/01/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

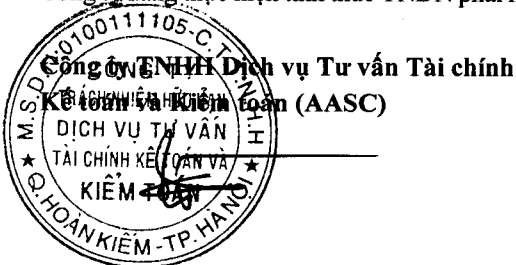
### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính – Công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phù nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính – Công ty mẹ về các vấn đề sau :  
Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24: Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên Công ty đang thực hiện tính thuế TNDN phải nộp theo thuế suất hiện hành là 25%.



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV  
Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2013

**Nguyễn Ngọc Lan**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1427/KTV

U HAN  
V AI  
O AN  
J AN  
-TP-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>168.927.420.716</b>	<b>233.887.947.537</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>22.046.361.132</b>	<b>46.313.892.365</b>
111	1. Tiền		3.046.361.132	17.313.892.365
112	2. Các khoản tương đương tiền		19.000.000.000	29.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>19.711.500</b>	<b>3.280.175.308</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		118.776.400	3.374.036.608
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(99.064.900)	(93.861.300)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>44.215.866.081</b>	<b>41.173.101.176</b>
131	1. Phải thu khách hàng		34.750.128.423	34.289.986.904
132	2. Trả trước cho người bán		12.004.036.486	8.567.557.466
135	3. Các khoản phải thu khác	<b>5</b>	2.407.021.685	3.109.687.962
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.945.320.513)	(4.794.131.156)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>95.265.819.057</b>	<b>131.614.564.175</b>
141	1. Hàng tồn kho		101.652.968.904	138.808.548.923
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.387.149.847)	(7.193.984.748)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>7.379.662.946</b>	<b>11.506.214.513</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>7</b>	6.997.596.320	11.007.738.775
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.882.000	62.271.518
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	<b>8</b>	235.605.626	93.903.220
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	<b>9</b>	138.579.000	342.301.000



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>130.546.200.243</b>	<b>8.160.435.816</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>700.657.394</b>	<b>1.120.635.816</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	700.657.394	1.120.635.816
222	- Nguyên giá		3.449.789.582	3.345.881.401
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.749.132.188)	(2.225.245.585)
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	11	<b>129.758.342.849</b>	<b>7.000.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		125.000.000.000	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác		7.750.000.000	7.000.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.991.657.151)	-
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>87.200.000</b>	<b>39.800.000</b>
268	1. Tài sản dài hạn khác		87.200.000	39.800.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>299.473.620.959</b>	<b>242.048.383.353</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>101.070.649.990</b>	<b>70.546.239.003</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>81.070.649.990</b>	<b>70.480.259.125</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	40.379.025.896	-
312	2. Phải trả người bán		15.120.882.282	41.839.062.001
313	3. Người mua trả tiền trước		2.272.469.424	2.385.118.926
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.027.373.025	6.677.363.270
315	5. Phải trả người lao động		2.700.282.574	2.552.950.551
316	6. Chi phí phải trả	14	5.249.032.731	2.563.173.201
317	7. Phải trả nội bộ		4.614.245.573	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	9.135.941.951	14.264.802.088
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		571.396.534	197.789.088
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>65.979.878</b>
334	1. Vay và nợ dài hạn	16	20.000.000.000	-
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	65.979.878
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>198.402.970.969</b>	<b>171.502.144.350</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>198.402.970.969</b>	<b>171.502.144.350</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.166.950	-
414	3. Cổ phiếu quỹ		(3.200.876.950)	(3.401.210.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		4.118.859.101	3.921.741.838
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		10.595.660.942	8.150.159.024
419	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.603.518.211	4.075.079.512
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.261.642.715	8.756.373.976
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>299.473.620.959</b>	<b>242.048.383.353</b>



Dương Thị Việt Hà  
 Kế toán trưởng



  
 TÔNG GIÁM ĐỐC  
 Vũ Bá Khánh

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012		Năm 2011	
			VND		VND	
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	324.567.109.864		276.650.903.145	
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		4.724.115.495		909.370.355	
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		319.842.994.369		275.741.532.790	
11	4. Giá vốn hàng bán					
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	233.490.219.272		204.171.372.550	
			86.352.775.097		71.570.160.240	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1.977.786.097		4.318.863.803	
22	7. Chi phí tài chính	21	14.461.392.589		3.766.026.935	
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		9.486.279.878		3.401.425.233	
24	8. Chi phí bán hàng	22	21.443.717.825		18.196.652.271	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	14.055.729.360		16.836.134.544	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.369.721.420		37.090.210.293	
31	11. Thu nhập khác		126.655.892		87.736.644	
32	12. Chi phí khác		308.438.894		-	
40	13. Lợi nhuận khác		(181.783.002)		87.736.644	
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		38.187.938.418		37.177.946.937	
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	6.926.295.703		6.609.172.961	
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>31.261.642.715</u>		<u>30.568.773.976</u>	

*[Handwritten signature]*

Dương Thị Việt Hà  
 Kế toán trưởng



Vũ Bá Khánh **TỔNG GIÁM ĐỐC**  
 Tổng Giám đốc

*Vũ Bá Khánh*  
 Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		318.214.620.771	257.176.893.177
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(238.853.691.829)	(204.198.613.463)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(15.095.078.050)	(13.872.036.980)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(9.349.570.661)	(3.401.425.233)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(13.020.750.290)	(3.042.422.082)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		14.837.140.073	4.589.494.638
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.864.944.719)	(5.165.682.958)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>49.867.725.295</b>	<b>32.086.207.099</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(103.908.181)	(50.408.182)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.500.000.000)	(42.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.755.260.208	42.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(126.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		80.892.179	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.832.873.370	4.375.315.416
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(120.934.882.424)</b>	<b>4.324.907.234</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		224.500.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(3.401.210.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		245.254.972.836	111.801.879.019
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(184.875.946.940)	(111.801.879.019)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(13.803.900.000)	(17.008.500.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>46.799.625.896</b>	<b>(20.409.710.000)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

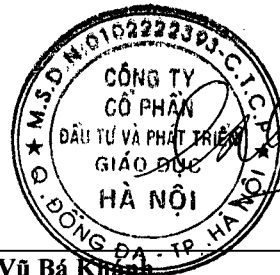
Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

(tiếp theo)

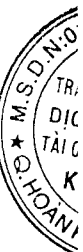
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(24.267.531.233)	16.001.404.333
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		46.313.892.365	30.312.488.032
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>22.046.361.132</u>	<u>46.313.892.365</u>

Dương Thị Việt Hà  
Kế toán trưởng



Vũ Bá Khanh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3: số 01022222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 09 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

00111  
CÔNG  
NHẬN  
VỤ TƯ  
KẾ T  
TOA  
M-TP

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## 2.3. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

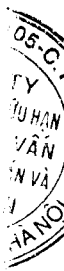
## 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.



**2.6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**2.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích và phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| ▪ Phương tiện vận tải       | 06 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 năm |

**2.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu Kho bạc, Tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời

điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

## 2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## 2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Riêng Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo giá trị vật tư, thành phẩm, hàng hóa và dở dang còn tồn tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng

quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.16. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.17. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;



- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.18. Các khoản thuế

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính khi có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	161.990.372	509.479.394
Tiền gửi ngân hàng	2.884.370.760	16.804.412.971
Các khoản tương đương tiền	19.000.000.000	29.000.000.000
	<b>22.046.361.132</b>	<b>46.313.892.365</b>

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	118.776.400	118.776.400
Đầu tư ngắn hạn khác	-	3.255.260.208
- Cho Nhà xuất bản giáo dục vay	-	3.255.260.208
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(99.064.900)	(93.861.300)
	<b>19.711.500</b>	<b>3.280.175.308</b>

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		118.776.400		118.776.400
- LSS	625	21.500.000	625	21.500.000
- QNC	8	276.400	8	276.400
- PHH	800	22.400.000	800	22.400.000
- STL	1.500	74.600.000	1.500	74.600.000
Đầu tư ngắn hạn khác		-		3.255.260.208
- Cho Nhà xuất bản giáo dục vay		-		3.255.260.208
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(99.064.900)		(93.861.300)
		<b>19.711.500</b>		<b>3.280.175.308</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	2.407.021.685	3.109.687.962
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại Xã Tiên Dương- Đông Anh- Hà Nội <sup>[1]</sup>	1.723.950.000	2.040.511.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản- Phát hành SGK <sup>[2]</sup>	300.000.000	300.000.000
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	61.750.000	-
- Phải thu các đối tượng khác	321.321.685	769.176.962
	<b>2.407.021.685</b>	<b>3.109.687.962</b>

<sup>[1]</sup>Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương- Huyện Đông Anh- TP Hà nội. Diện tích khu đất là 7.662 m<sup>2</sup>.
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND.

<sup>[2]</sup>Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: "Xây dựng Trung tâm Xuất bản- Phát hành Sách Giáo khoa" theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.130.129.547	93.686.310.034
Công cụ, dụng cụ	6.100.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.385.173.196	7.283.417.944
Thành phẩm	18.864.154.017	23.285.316.342
Hàng hoá	12.350.699.947	11.787.817.677
Hàng gửi đi bán	3.916.712.197	2.765.686.926
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.387.149.847)	(7.193.984.748)
	<b>95.265.819.057</b>	<b>131.614.564.175</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ <sup>[1]</sup>	5.494.072.865	7.037.858.693
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	1.293.745.455	170.038.552
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	209.778.000	3.799.841.530
	<b>6.997.596.320</b>	<b>11.007.738.775</b>

<sup>[1]</sup>Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ căn cứ vào giá trị Nguyên vật liệu, Thành phẩm, Hàng hóa, Giá trị dở dang tồn kho tại thời điểm 31/12/2012.

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	227.762.626	90.903.220
Các khoản khác phải thu Nhà nước	7.843.000	3.000.000
	<b>235.605.626</b>	<b>93.903.220</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	138.579.000	342.301.000
	<b>138.579.000</b>	<b>342.301.000</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tài. truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.804.106.753	541.774.648	3.345.881.401
Số tăng trong năm	-	115.398.181	115.398.181
- Mua trong năm	-	103.908.181	103.908.181
- Tăng khác	-	11.490.000	11.490.000
Số giảm trong năm	(11.490.000)	-	(11.490.000)
- Giảm khác	(11.490.000)	-	(11.490.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.792.616.753</b>	<b>657.172.829</b>	<b>3.449.789.582</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.730.304.783	494.940.802	2.225.245.585
Số tăng trong năm	478.928.204	44.958.399	523.886.603
- Khấu hao trong năm	478.928.204	44.958.399	523.886.603
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.209.232.987</b>	<b>539.899.201</b>	<b>2.749.132.188</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.073.801.970	46.833.846	1.120.635.816
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>583.383.766</b>	<b>117.273.628</b>	<b>700.657.394</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 449.244.739 VND.

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>125.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>7.750.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
Công ty CP Thiết bị Giáo dục II	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây	3.000.000.000	3.000.000.000
Viện Công nghệ Giáo dục <sup>[1]</sup>	-	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tia Sáng mới	1.000.000.000	-
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)</b>	<b>(2.991.657.151)</b>	-
	<b>129.758.342.849</b>	<b>7.000.000.000</b>

<sup>[1]</sup>Theo Biên bản số 1997/BB-NXBGDVN ngày 20/11/2012 về việc quyết toán vốn góp vào viện Công nghệ Giáo dục, các bên đã thống nhất quyết toán, chấm dứt đầu tư và phân bổ số chi phí đầu tư cho các bên. Trong đó, chi phí phân bổ cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 169.107.821 VND. Số chi phí này đã được Công ty hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Số tiền còn lại của khoản đầu tư là 80.892.179 VND đã được hoàn trả bằng tiền mặt vào tháng 12 năm 2012.

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>40.379.025.896</b>	-
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.379.025.896	-
	<b>40.379.025.896</b>	-

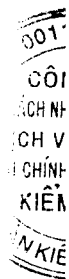
Hợp đồng tín dụng số 01/2012/ HĐ TDHM-HEID ngày 01/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Hà nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 01/04/2013;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu SXKD;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 9 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	473.065.552	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.616.921	6.517.071.508
Thuế thu nhập cá nhân	131.690.552	156.915.905
Các loại thuế khác	-	3.375.857
	<b>1.027.373.025</b>	<b>6.677.363.270</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	136.709.217	-
Trích trước chi phí tăng công in	124.336.258	157.261.209
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản	2.952.817.500	1.196.255.287
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	1.175.656.838	1.209.656.705
Trích trước chi phí vận chuyển	859.512.918	-
	<b>5.249.032.731</b>	<b>2.563.173.201</b>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	214.663.978	111.052.802
Bảo hiểm xã hội	-	1.807.741
Bảo hiểm y tế	10.089.388	278.092
Bảo hiểm thất nghiệp	4.188.585	145.923
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.907.000.000	14.151.517.530
- <i>Cổ tức phải trả cổ đông</i>	-	13.803.900.000
- <i>Phải trả bà Phạm Thị Thu Ngân<sup>[1]</sup></i>	8.907.000.000	-
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	-	347.617.530
	<b>9.135.941.951</b>	<b>14.264.802.088</b>

<sup>[1]</sup> Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng kinh tế số 01 ngày 25/05/2012 để nhượng lại các căn hộ tại ngôi nhà chung cư 5 tầng lô A2-DDN, phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội cho Bà Phạm Thị Thu Ngân (là các căn hộ Công ty đã ký hợp đồng mua lại từ năm 2007 nhưng chưa thực hiện xong thủ tục sang tên đổi chủ nên chưa hạch toán là TSCĐ của Công ty). Thực hiện theo hợp đồng này Bà Phạm Thị Thu Ngân đã thực hiện ứng trước cho Công ty số tiền là 8.907.000.000 VND, tại thời điểm 31/12/2012 Công ty chưa thực hiện kê khai và tạm nộp thuế TNDN do hợp đồng này chưa chắc chắn được thực hiện thành công (do hợp đồng có quy định phải hoàn tất thủ tục sang tên cho bên mua mới được hoàn tất). Toàn bộ thu nhập phát sinh từ các giao dịch này và các khoản thuế có liên quan chỉ được Công ty thực hiện hạch toán khi hoàn tất toàn bộ các nội dung của hợp đồng và bàn giao tài sản cho bên mua.

**16. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	20.000.000.000	-
- Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20.000.000.000	-
	<u>20.000.000.000</u>	<u>-</u>

Hợp đồng tín dụng số 02-2012/ HĐ TDHM-HEID ngày 20/04/2012 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Hà nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua lại 100% vốn của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công;
- Phương thức áp dụng lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi;
- Tài sản đảm bảo gồm: Tòa nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà nội thuộc sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công. Giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 VND; và toàn bộ phần vốn góp của Công ty CP ĐTPT Giáo dục Hà nội tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công, giá trị: 110.000.000.000 VND.



**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối		
	VND		VND						VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>										
Lãi trong năm nay	-										
Trả cổ tức đợt 2 năm 2010 bằng tiền	-										
Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền	-										
cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-										
Trích tạm ứng cổ tức năm 2011 cho các Cổ đông khác	-										
Mua cổ phiếu quỹ	-										
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>			(3.401.210.000)							
Bán Cổ phiếu quỹ	-										
Lãi trong năm nay	-	24.166.950									
Trích lập các quỹ <sup>(1)</sup>	-										
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi <sup>(1)</sup>	-					197.117.263					
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>24.166.950</b>		<b>(3.200.876.950)</b>	<b>4.118.859.101</b>	<b>10.595.660.942</b>	<b>5.603.518.211</b>	<b>31.261.642.715</b>	<b>31.261.642.715</b>	<b>(4.585.316.096)</b>	<b>198.402.970.969</b>

<sup>(1)</sup>Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết số 04-2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2012, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
Kết quả kinh doanh sau thuế	%	VND
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	100%	30.568.773.976
Trích bổ sung vốn điều lệ	8%	2.445.501.918
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5%	1.528.438.699
Chi trả cổ tức	15%	4.585.316.096
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	15%/Cổ phần	21.812.400.000
	Lợi nhuận còn lại	197.117.263

Lợi nhuận sau thuế Năm 2012 sẽ được Công ty phân phối khi Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 được thông qua.



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	53.390.000.000	35,59%	53.390.000.000	35,59%
Vốn góp của đối tượng khác	96.610.000.000	64,41%	96.610.000.000	64,41%
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	30.812.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	9.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	21.812.400.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431.400	458.400
- Cổ phiếu phổ thông	431.400	458.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.568.600	14.541.600
- Cổ phiếu phổ thông	14.568.600	14.541.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	324.567.109.864	275.907.665.145
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	205.816.993.701	177.031.376.623
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	6.814.157.913	1.612.042.611
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	49.860.978.621	54.140.121.246
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và doanh thu hàng khai thác ngoài</i>	62.074.979.629	43.124.124.665
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	743.238.000
	<b>324.567.109.864</b>	<b>276.650.903.145</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá, thành phẩm	234.297.054.173	200.520.855.646
- <i>Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	147.683.505.548	130.655.989.885
- <i>Giá vốn lịch Block</i>	4.991.851.629	639.921.003
- <i>Giá vốn sách tham khảo</i>	30.516.060.419	29.879.285.379
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục, nhượng bán vật tư và giá vốn hàng khai thác ngoài</i>	51.105.636.577	39.345.659.379
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(806.834.901)	3.650.516.904
	<b>233.490.219.272</b>	<b>204.171.372.550</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.304.927.870	4.245.460.803
Cổ tức, lợi nhuận được chia	589.695.500	73.403.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	83.162.727	-
	<b>1.977.786.097</b>	<b>4.318.863.803</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	9.486.279.878	3.401.425.233
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.808.034.219	301.532.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	169.107.821	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.996.860.751	55.560.900
Chi phí tài chính khác	1.109.920	7.508.802
	<b>14.461.392.589</b>	<b>3.766.026.935</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.673.242	34.870.033
Chi phí nhân công	9.832.753.420	8.696.952.067
Chi phí khấu hao tài sản cố định	259.222.515	273.190.043
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.982.890.327	6.529.325.002
Chi phí khác bằng tiền	4.204.178.321	2.662.315.126
	<b>21.443.717.825</b>	<b>18.196.652.271</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	270.779.263	310.000.297
Chi phí nhân công	3.960.054.483	4.700.496.953
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.968.727	22.406.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.664.088	266.232.588
Thuế, phí và lệ phí	33.277.276	13.860.391
Chi phí dự phòng	151.189.357	3.766.933.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.228.874.825	1.595.415.446
Chi phí khác bằng tiền	6.138.921.341	6.160.788.723
	<b>14.055.729.360</b>	<b>16.836.134.544</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.187.938.418	37.177.946.937
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.271.816.861)	26.135.540
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	651.772.226	99.538.540
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(1.923.589.087)	(73.403.000)
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	36.916.121.557	37.204.082.477
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp <sup>[1]</sup>	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.229.030.389	9.301.020.619
Thuế TNDN được giảm <sup>[2]</sup>	(2.768.709.117)	(2.691.847.658)
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay <sup>[3]</sup>	465.974.431	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>6.926.295.703</b>	<b>6.609.172.961</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.517.071.508	2.950.320.629
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(13.020.750.290)	(3.042.422.082)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>422.616.921</b>	<b>6.517.071.508</b>

<sup>[1]</sup>Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan chức năng về việc áp dụng nội dung của văn bản nêu trên đối với đặc thù hoạt động của Công ty nên Công ty đang thực hiện tính thuế TNDN

phải nộp theo thuế suất hiện hành là 25%. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh Báo cáo tài chính khi có hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

<sup>[2]</sup>Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp năm 2012 do là Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng dẫn của Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

<sup>[3]</sup>Thuế TNDN bị truy thu theo kết quả thanh tra thuế năm 2010 và 2011.

## 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	128.947.945.508	125.736.920.602
Chi phí nhân công	13.792.807.903	13.397.449.020
Chi phí khấu hao tài sản cố định	523.886.603	539.422.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.059.148.161	44.645.768.211
Chi phí khác bằng tiền	11.751.507.166	14.127.320.544
	<b>207.075.295.341</b>	<b>198.446.881.008</b>

## 26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.046.361.132	-	46.313.892.365	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	37.157.150.108	-	37.399.674.866	-
Các khoản cho vay	-	-	3.255.260.208	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(99.064.900)	118.776.400	(93.861.300)
Đầu tư dài hạn	7.750.000.000	-	7.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>67.072.287.640</b>	<b>(99.064.900)</b>	<b>94.087.603.839</b>	<b>(93.861.300)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	60.379.025.896	-
Phải trả người bán, phải trả khác	24.256.824.233	56.103.864.089
Chi phí phải trả	5.249.032.731	2.563.173.201
<b>Cộng</b>	<b>89.884.882.860</b>	<b>58.667.037.290</b>

Công ty chưa thể đánh giá được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### **Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ngày 25/01/2013, Thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01-2013/NQ-HĐQT ngày 10/01/2013, Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt mức 13%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.300 đồng).

Ngoài ra, Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Bán hàng</b>			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	251.905.656	-
NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	69.163.191	-
NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	6.375.000	-
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	39.806.672.727	31.802.931.864
NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD	15.083.035.271	10.392.045.454
NXBGD tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD	125.301.000	368.967.751
NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD	-	7.163.160.825
NXBGD tại TP HCM	Trực thuộc NXBGD	18.382.000	-
<b>Lãi vay phải thu</b>			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	592.007.370	2.928.318.644
<b>Xuất trả lại vật tư</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	38.997.272.727	-
<b>Trả cổ tức</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn	-	8.008.500.000

105-  
TY  
HỮU H  
TƯ VÀ  
TOÁN  
OÁN  
TP. H.P

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:


		Mối quan hệ	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>Phải thu vốn cho vay</b>				
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn		-	3.255.260.208
<b>Phải trả</b>				
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cty mẹ của Tập đoàn		364.446.642	57.148.691
NXBGD tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD		480.251.551	9.780.498.701
NXBGD tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD		261.491.100	327.391.500
NXBGD tại TP HCM	Trực thuộc NXBGD		18.382.000	-
NXBGD tại Cần Thơ	Trực thuộc NXBGD		322.916.497	349.203.997
Cty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con		4.614.245.573	-

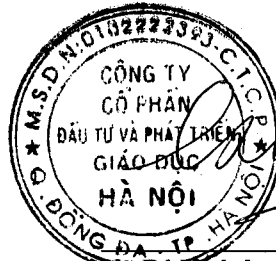
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát	1.511.807.599	1.360.495.021

### 30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

  
 Dương Thị Việt Hà  
 Kế toán trưởng



  
 Vũ Bá Khánh  
 Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2013

